

Số: 855/NQ-HĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Dự toán thu chi năm 2024 của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4372/QĐ-ĐHQGHN ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc công nhận Hội đồng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội nhiệm kỳ 2022-2027;

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-ĐHQGHN ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2024 cho các đơn vị thành viên, trực thuộc (khối đào tạo nghiên cứu) của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 1986/NQ-HĐT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành 06 nhóm nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024 của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;

Căn cứ Nghị quyết số 2286/NQ-HĐT ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;

Căn cứ Nghị quyết số 458/NQ-HĐT ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy chế tài chính của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;

Căn cứ biên bản cuộc họp giữa Thường trực Hội đồng trường và phòng Kế hoạch Tài chính ngày 04/4/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Dự toán thu chi năm 2024 của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. *(Có dự toán thu chi năm 2024 kèm theo)*

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Trưởng các đơn vị trong toàn Trường, viên chức, người lao động, người học và các tổ chức thuộc Trường, các cá nhân, tổ chức khác liên quan đến hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- ĐHQGTHN (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: HCTH, HĐT, N01.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Đỗ Tuấn Minh

DỰ TOÁN THU CHI NĂM 2024

Đơn vị: 1000đ

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Kinh phí	Ghi chú
PHẦN I: DỰ TOÁN THU			
I	TỔNG THU	586.644.000	-
1	Ngân sách Nhà nước	71.644.000	
1,1	NSNN giao tự chủ	45.133.000	
	- Giao quỹ lương	34.600.000	
	- Chi đào tạo ĐHCQ	4.592.000	
	- Chi đạo tạo SDH	1.441.000	
	- Đào tạo THPT khóa tuyển 2022, 2023 (bao gồm học bổng)	3.000.000	
	- Hỗ trợ kênh Ulis connect	1.000.000	
	- Hỗ trợ xếp hạng quốc tế theo lĩnh vực	500.000	
1,2	NSNN giao không tự chủ	26.511.000	
	- Cấp bù theo theo NĐ 81 và QĐ 66	2.534.000	
	- Kinh phí hỗ trợ theo NĐ 116 (phần trả SHP cho SV)	13.477.000	
	- Kinh phí hỗ trợ theo NĐ 116 (phần cấp bù HP-tạm tính)	10.500.000	
2	Các khoản thu	370.000.000	
2,1	Thu học phí THPT Chuyên Ngoại Ngữ	23.000.000	
2,2	Thu học phí Đại học chính quy (bao gồm cả CLC)	189.000.000	
2,3	HP SDH	4.800.000	
2,4	THCS	13.000.000	
2,5	Thu sự nghiệp dịch vụ (sau khi trừ số trả đối tác)	140.200.000	
	- Bảng kép	5.200.000	
	- Vừa học vừa làm	20.000.000	
	- LKQT Đại học (phần để lại)	34.500.000	
	- LKQT Sau Đại học (phần để lại)	2.500.000	
	- Thu ĐGNL Trung, Nhật	15.000.000	
	- ĐGNL Vstep, VNU	5.000.000	
	- Các kỳ thi thử	3.000.000	
	- Thu sự nghiệp, dịch vụ khác	55.000.000	
II.	Nguồn kinh phí được sử dụng	-	
1	Phải trả SV NĐ 116, trả miễn giảm, hiệp định	16.011.000	
2	NSNN dùng để chi thường xuyên	55.633.000	
3	Nguồn thu bổ sung để chi thường xuyên	370.000.000	

PHẦN II: DỰ TOÁN CHI PHÂN BỐ THEO NHIỆM VỤ

STT	Nội dung	Tổng cộng	NSNN	Nguồn BS	Quỹ
I	NGUỒN KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG	425.633.000	55.633.000	370.000.000	
II	TỔNG CHI PHÍ	360.340.668	55.633.000	249.198.668	55.509.000
1	Chi đào tạo THPT Chuyên Ngoại Ngữ	26.000.000	3.000.000	23.000.000	-
+	Chi lương, phụ cấp	7 700 000	1 700 000	6 000 000	
+	Chi phụ cấp ưu đãi (0,7)	5 000 000	1 100 000	3 900 000	
+	Các khoản đóng góp (BHXH+YT+TN+CD)	1 800 000		1 800 000	
+	Chi học bổng học sinh	300 000	200 000	100 000	
+	Chi dạy vượt giờ, hỗ trợ giờ dạy	5 000 000		5 000 000	
+	Chi CSVN, HĐ tiết và các hoạt động khác	6 200 000		6 200 000	
2	Chi quỹ lương Đại học	87 100 000	51 133 000	35 967 000	
+	Chi lương, bảo hiểm (bao gồm biên chế và hợp đồng)	80 500 000	51 133 000	29 367 000	
+	Phụ cấp thâm niên	5 500 000		5 500 000	
+	Chi hợp đồng khoán việc làm ngoài giờ	1 100 000		1 100 000	
3	Chi theo nhiệm vụ cụ thể	1 500 000	1 500 000		
	- Ulis connect	1 000 000	1 000 000		
	- Xếp hạng quốc tế	500 000	500 000		
4	Chi cho các hoạt động thường xuyên	39 660 000		39 660 000	
+	Chi học bổng SV (8%)				
	- Chi học bổng khuyến khích học tập	15 960 000		15 960 000	
	- Chi học bổng, SHP cho SVDTTS				
	- Chi trợ cấp SV hộ nghèo, khó khăn QĐ 66				
+	Dịch vụ công cộng, vệ sinh	3 600 000		3 600 000	
+	Chi phí văn phòng phẩm, CCDC văn phòng	600 000		600 000	
+	Chi tiền điện	2 800 000		2 800 000	
+	Giảng dạy, hỗ trợ CLC	16 000 000		16 000 000	
5	Phân bổ theo nhiệm vụ các đơn vị	107 940 668		52 431 668	55 509 000
-	Chi giảng dạy, kiểm tra đánh giá, vượt giờ	2 050 000	✓	2 050 000	
-	Chi thuê GV hợp đồng tiết, chuyên gia nước ngoài	1 820 000	✓	1 820 000	
-	Chi hội đồng (HD + Chấm LV)	202 950	✓	202 950	
-	Chi công tác tuyển sinh và hỗ trợ tuyển sinh, PR	3 665 478		3 665 478	
-	Khai giảng, bế giảng, khánh tiết	1 522 260		1 522 260	
-	Chi cho hoạt động xét tốt nghiệp	92 000	✓	92 000	
-	Biên soạn, điều chỉnh, đánh giá chương trình/giáo trình/đề cương	2 307 830	✓	2 307 830	
-	Kiểm định, đảm bảo chất lượng	1 020 000	✓	820 000	200 000
-	Chi hoạt động thực tập, trải nghiệm, ngoại khóa	6 098 000	✓	6 098 000	
-	Chi cho hoạt động đoàn	1 615 000		1 615 000	

STT	Nội dung	Tổng cộng	NSNN	Nguồn BS	Quỹ
-	Chi các lớp bồi dưỡng phát triển đội ngũ	8 480 000	✓	400 000	8 080 000
-	Chi hội nghị, hội thảo	1 290 000		1 290 000	
-	Chi hoạt động của các khoa (khoa đăng ký)	1 021 900		1 021 900	
-	Chi hoạt động chuyên môn khác	1 439 000		1 439 000	
-	Chi hoạt động NCKH (Đề tài)	2 621 800		2 621 800	
-	Chi hoạt động NCKH (Tạp chí)	420 000		420 000	
-	Chi hoạt động NCKH (Hội nghị, hội thảo, tọa đàm)	2 040 000		2 040 000	
-	Chi hỗ trợ công bố Quốc tế	1 501 000		1 501 000	
-	Chi hoạt động cựu học viên	190 000		190 000	
-	Hỗ trợ người học	1 896 000		1 896 000	
-	Kết nối DN, hỗ trợ việc làm	482 000		482 000	
-	Chi hoạt động khoa học công nghệ, ĐMST cho GV	5 398 050		2 680 050	2 718 000
-	Chi NCKH & ĐMST cho SV	1 696 000		1 696 000	
-	Chi khen thưởng	1 475 000			1 475 000
-	Đề án vị trí việc làm, phát triển nhân lực	180 000		180 000	
-	Mua sắm tài sản, trang thiết bị, bàn ghế giảng đường, phần mềm,	7 824 000		3 513 000	4 311 000
-	Chi sửa chữa tài sản, CSVC	1 690 400		1 690 400	
-	Chi xây dựng, sửa chữa, nội thất giảng đường, lớp học	26 500 000			26 500 000
-	Xây dựng, phát triển dự án tại Hòa Lạc	10 000 000			10 000 000
-	Hệ thống mạng internet, zoom	3 440 000		1 915 000	1 525 000
-	Chi hoạt động hợp tác phát triển, đoàn ra, đoàn v	2 200 000		1 500 000	700 000
-	Chi công tác văn thư, lưu trữ, nhập dữ liệu	472 000		472 000	
-	Chi hỗ trợ giảng đường lớp học, CSVC khác	1 450 000		1 450 000	
-	Đào tạo SDH	3 840 000		3 840 000	
6	Chi từ hoạt động dịch vụ	98 140 000		98 140 000	
III	CHÊNH LỆCH THU CHI (Thu - Chi NSNN- Chi BS)	120 801 332		120 801 332	

PHÂN PHỐI CHÊNH LỆCH THU CHI (DỰ KIẾN)

Tổng số được trích lập	120 801 332
Cải cách tiền lương (40%)	48 320 533
Trích lập quỹ phát triển	14 496 160
Trích lập quỹ KT, PL	15 000 000
Chi thu nhập tăng thêm	42 984 639

Ngày 05 tháng 4 năm 2024

Lập biểu



Kế toán trưởng



Hiệu trưởng

